

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2026
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Văn Thị Mai
2. Bà Lê Thị Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – L tham gia phiên tòa:
Không

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 66/2026/TLST-HN&GD, ngày 16 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 06 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số nhà 22, đường Trần Bình Trọng, thôn Võ Xu 5 (Nay là thôn 10), xã D, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Thạch Cảnh Q, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Số nhà 22, đường Trần Bình Trọng, thôn Võ Xu 5 (Nay là thôn 10), xã D, tỉnh L.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông Q không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, trình bày:

Vào năm 2004, bà và ông Thạch Cảnh Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn Võ Xu, huyện D, tỉnh Bình Thuận. Nay là Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh L, đăng ký kết hôn số 93, ngày 30/7/2004. Sau khi kết hôn ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Q thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, rồi kiếm chuyện gây gổ xúc phạm bà, ông không lo làm việc, một mình bà làm thuê, làm mướn nuôi con

nhiều năm. Bà có góp ý nhưng ông Q không thay đổi. Đến nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Q nữa, bà yêu cầu ly hôn ông Thạch Cảnh Q.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung, nhưng các cháu đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp và hòa giải nhưng ông Q không chấp hành, nên Tòa án đã không tiến hành phiên hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân khu vực 17 đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Thạch Cảnh Q vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Thạch Cảnh Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, tỉnh L, theo trích lục kết hôn số 874/TLKH-BS, ngày 03/7/2019, số đăng ký 93, ngày 30/7/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ông bà không vun đắp hạnh phúc vợ chồng mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông Q không đến Tòa án, cho thấy ông đã không còn quan tâm, yêu thương bà T nữa nên bỏ mặc cho bà T muốn làm gì thì làm. Xét thấy hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho các bên. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà ly hôn ông Thạch Cảnh Q là phù hợp.

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không cần xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không cần xem xét trong bản án này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T là người khởi kiện nên bà phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 225, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T ly hôn ông Thạch Cảnh Q.

2. Về án phí DSST: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004212 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17- tỉnh L. bà T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (27/7/2026), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17 – L;
- Phòng THADS Khu vực 17 – L;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- UBND xã D;
- Lưu HSYA, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa